

Hà Nội, ngày **06** tháng **10** năm 2025

**THÔNG TƯ**

**Quy định về nội dung, trình tự phê duyệt quy hoạch kho số viễn thông, quy hoạch tài nguyên Internet và thực hiện việc phê duyệt quy hoạch**

*Căn cứ Luật Viễn thông ngày 23 tháng 11 năm 2023;*

*Căn cứ Luật Quy hoạch ngày 24 tháng 11 năm 2017 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Quy hoạch, Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư và Luật Đấu thầu ngày 29 tháng 11 năm 2024;*

*Căn cứ Nghị định số 163/2024/NĐ-CP ngày 24 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Viễn thông;*

*Căn cứ Nghị định số 115/2025/NĐ-CP ngày 03 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Viễn thông về quản lý kho số viễn thông, tài nguyên Internet, việc bồi thường khi nhà nước thu hồi mã, số viễn thông, tài nguyên Internet; đấu giá quyền sử dụng mã, số viễn thông, tên miền quốc gia Việt Nam ".vn";*

*Căn cứ Nghị định số 147/2024/NĐ-CP ngày 09 tháng 11 năm 2024 của Chính phủ quản lý, cung cấp, sử dụng dịch vụ Internet và thông tin trên mạng;*

*Căn cứ Nghị định số 22/2025/NĐ-CP ngày 11 tháng 2 năm 2025 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 37/2019/NĐ-CP ngày 07 tháng 5 năm 2019 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Quy hoạch đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Nghị định số 58/2023/NĐ-CP ngày 12 tháng 8 năm 2023 của Chính phủ;*

*Căn cứ Nghị định số 55/2025/NĐ-CP ngày 02 tháng 3 năm 2025 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ và cơ cấu tổ chức của Bộ Khoa học và Công nghệ;*

*Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Viễn thông;*

*Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ ban hành Thông tư quy định về nội dung, trình tự phê duyệt quy hoạch kho số viễn thông, quy hoạch tài nguyên Internet và thực hiện việc phê duyệt quy hoạch.*

**Điều 1. Phạm vi điều chỉnh**

Thông tư này quy định chi tiết khoản 2 Điều 49 Luật Viễn thông về nội dung, trình tự phê duyệt quy hoạch kho số viễn thông, quy hoạch tài nguyên Internet và thực hiện phê duyệt quy hoạch.

## **Điều 2. Đối tượng áp dụng**

Thông tư này áp dụng đối với các cơ quan, tổ chức, cá nhân tham gia lập, thẩm định, công bố, thực hiện phê duyệt, điều chỉnh quy hoạch kho số viễn thông, quy hoạch tài nguyên Internet và cơ quan, tổ chức, cá nhân khác có liên quan.

## **Điều 3. Giải thích từ ngữ**

1. Quy hoạch kho số viễn thông là quy hoạch kỹ thuật chuyên ngành nhằm sắp xếp, phân bổ không gian hoạt động của tài nguyên kho số viễn thông.
2. Quy hoạch tài nguyên Internet là quy hoạch kỹ thuật chuyên ngành nhằm sắp xếp, phân bổ không gian hoạt động của tài nguyên Internet.

## **Điều 4. Nội dung quy hoạch**

1. Nội dung quy hoạch kho số viễn thông, tài nguyên Internet bao gồm quy định về tên, cấu trúc, độ dài, tính năng kỹ thuật của mã, số viễn thông, tài nguyên Internet đảm bảo phù hợp với quy hoạch kho số viễn thông, tài nguyên Internet quốc tế và khả dụng trong mạng viễn thông, Internet.
2. Danh mục quy hoạch kho số viễn thông bao gồm:
  - a) Quy hoạch cấu trúc số quốc tế và số quốc gia;
  - b) Quy hoạch số quốc gia;
  - c) Quy hoạch mã, số dịch vụ;
  - d) Quy hoạch mã, số định tuyến kỹ thuật;
  - đ) Quy hoạch số dịch vụ khẩn cấp, số dùng chung;
  - e) Quy hoạch mã, số phục vụ lợi ích công cộng, quốc phòng, an ninh.
3. Danh mục quy hoạch tài nguyên Internet bao gồm:
  - a) Quy hoạch tên miền quốc gia Việt Nam “.vn”;
  - b) Quy hoạch địa chỉ Internet (địa chỉ IP);
  - c) Quy hoạch số hiệu mạng.

## **Điều 5. Lập, thẩm định, phê duyệt nhiệm vụ lập quy hoạch**

1. Cơ quan lập quy hoạch xây dựng nhiệm vụ lập quy hoạch trên cơ sở đánh giá về điều kiện, nguồn lực, thực trạng phát triển kinh tế - xã hội của đất nước, mục tiêu, các định hướng ưu tiên phát triển ngành.
2. Nội dung nhiệm vụ lập quy hoạch bao gồm:



- a) Căn cứ lập quy hoạch;
- b) Quan điểm, mục tiêu lập quy hoạch;
- c) Phạm vi, đối tượng quy hoạch;
- d) Xác định các nhiệm vụ trọng tâm của quy hoạch;
- đ) Dự thảo nội dung quy hoạch;
- e) Thời hạn lập quy hoạch, kế hoạch lập quy hoạch và trách nhiệm của các cơ quan liên quan trong việc tổ chức lập quy hoạch;
- g) Thời kỳ quy hoạch;
- h) Phương pháp lập quy hoạch;
- i) Chi phí lập quy hoạch;
- k) Nội dung khác (nếu có).

3. Cơ quan lập quy hoạch xây dựng Phiếu trình nhiệm vụ lập quy hoạch trình Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ phê duyệt nhiệm vụ lập quy hoạch.

4. Cơ quan lập quy hoạch kho số viễn thông là Cục Viễn thông trực thuộc Bộ Khoa học và Công nghệ.

5. Cơ quan lập quy hoạch tài nguyên Internet là Trung tâm Internet Việt Nam trực thuộc Bộ Khoa học và Công nghệ.

#### **Điều 6. Tổ chức lấy ý kiến quy hoạch**

1. Sau khi được phê duyệt chủ trương nhiệm vụ lập quy hoạch, Cơ quan lập quy hoạch xây dựng các nội dung của quy hoạch, tổ chức lấy ý kiến đối tượng chịu sự tác động trực tiếp, các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan quy hoạch; đăng tải Hồ sơ lấy ý kiến dự thảo quy hoạch lên Cổng thông tin điện tử của Bộ Khoa học và Công nghệ.

2. Hồ sơ lấy ý kiến dự thảo quy hoạch bao gồm:

- a) Dự thảo Phiếu trình phê duyệt quy hoạch;
- b) Dự thảo Quyết định phê duyệt quy hoạch.

3. Việc lấy ý kiến góp ý dự thảo quy hoạch bằng văn bản trong thời hạn 10 ngày. Cơ quan lập quy hoạch tổng hợp tiếp thu, giải trình ý kiến góp ý và hoàn thiện Hồ sơ quy hoạch.

#### **Điều 7. Thẩm định quy hoạch**

- 1. Quy định về Hội đồng thẩm định quy hoạch.

a) Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ thành lập Hội đồng thẩm định quy hoạch kho số viễn thông, tài nguyên Internet;

b) Thành phần Hội đồng thẩm định quy hoạch bao gồm Chủ tịch Hội đồng, Phó Chủ tịch Hội đồng (nếu có) và các thành viên. Chủ tịch Hội đồng thẩm định quy hoạch là Bộ trưởng, Phó Chủ tịch Hội đồng thẩm định là Thứ trưởng phụ trách lĩnh vực. Thành viên của Hội đồng thẩm định bao gồm đại diện các đơn vị thuộc Bộ, Sở Khoa học và Công nghệ và doanh nghiệp viễn thông liên quan (nếu có). Cơ quan thường trực Hội đồng thẩm định quy hoạch do Chủ tịch Hội đồng thẩm định quyết định;

c) Hội đồng thẩm định quy hoạch chịu trách nhiệm thẩm định nội dung quy hoạch theo nhiệm vụ được giao. Trong trường hợp cần thiết, cơ quan thường trực Hội đồng thẩm định tổ chức lấy ý kiến tập thể Lãnh đạo Bộ, các chuyên gia, tổ chức xã hội - nghề nghiệp và tổ chức khác có liên quan trước khi trình Hội đồng thẩm định quy hoạch;

d) Hội đồng thẩm định quy hoạch tự giải tán sau khi hoàn thành nhiệm vụ;

đ) Cơ quan thường trực Hội đồng thẩm định quy hoạch có trách nhiệm xây dựng, trình Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ ban hành quyết định thành lập Hội đồng thẩm định quy hoạch kho số viễn thông, tài nguyên Internet; tiếp nhận, nghiên cứu và xử lý hồ sơ, cung cấp hồ sơ trình thẩm định quy hoạch cho các thành viên của Hội đồng thẩm định nghiên cứu tham gia ý kiến bằng hình thức họp trực tiếp hoặc bằng phiếu xin ý kiến; tổ chức họp Hội đồng thẩm định theo yêu cầu của Chủ tịch Hội đồng thẩm định; dự thảo biên bản họp Hội đồng thẩm định, dự thảo Báo cáo thẩm định quy hoạch và các nhiệm vụ khác do Chủ tịch Hội đồng thẩm định phân công.

2. Hồ sơ quy hoạch trình thẩm định bao gồm các tài liệu sau đây:

a) Dự thảo Phiếu trình phê duyệt quy hoạch;

b) Dự thảo Quyết định phê duyệt quy hoạch;

c) Bản tổng hợp, giải trình tiếp thu ý kiến của các cơ quan, tổ chức, cá nhân và đối tượng chịu sự tác động trực tiếp của quy hoạch; bản chụp ý kiến góp ý;

d) Báo cáo đánh giá tác động.

3. Nội dung Báo cáo thẩm định quy hoạch gồm những nội dung chính như sau:

a) Sự phù hợp với nhiệm vụ lập quy hoạch đã được phê duyệt;

b) Sự phù hợp với quy hoạch ngành quốc gia;



c) Tính thống nhất của dự thảo quy hoạch với hệ thống pháp luật, tính tương thích với quy hoạch quốc tế có liên quan (nếu có);

d) Tính khả thi của quy hoạch.

#### 4. Quy định về việc thẩm định quy hoạch.

a) Hội đồng thẩm định quy hoạch chỉ tổ chức thẩm định khi nhận đủ hồ sơ quy định tại khoản 2 Điều này. Trường hợp cần thiết, Hội đồng thẩm định quy hoạch có quyền yêu cầu Cơ quan lập quy hoạch cung cấp thêm thông tin, giải trình về các nội dung liên quan;

b) Trong thời hạn là 10 ngày kể từ ngày Cơ quan lập quy hoạch gửi Hồ sơ trình thẩm định, Hội đồng thẩm định có trách nhiệm thực hiện thẩm định quy hoạch theo quy định tại Thông tư này;

c) Hội đồng thẩm định quy hoạch làm việc theo hình thức tập thể, thực hiện quá trình thảo luận một cách công khai và quyết định bằng cách sử dụng phiếu biểu quyết theo nguyên tắc đa số;

d) Quy hoạch đủ điều kiện trình phê duyệt khi có ít nhất 50% số thành viên Hội đồng thẩm định quy hoạch đồng ý thông qua;

đ) Sau khi có kết quả của Hội đồng thẩm định quy hoạch, Cơ quan thường trực Hội đồng thẩm định gửi Báo cáo thẩm định quy hoạch cho Cơ quan lập quy hoạch để hoàn thiện Hồ sơ trình phê duyệt quy hoạch;

e) Kể từ ngày nhận được Báo cáo thẩm định quy hoạch, Cơ quan lập quy hoạch có trách nhiệm chỉnh lý, hoàn thiện hồ sơ trình Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ phê duyệt quy hoạch.

### **Điều 8. Thực hiện việc phê duyệt quy hoạch**

1. Hồ sơ trình phê duyệt quy hoạch gồm các tài liệu sau đây:

a) Phiếu trình phê duyệt quy hoạch;

b) Dự thảo Quyết định phê duyệt quy hoạch;

c) Báo cáo tổng hợp, giải trình tiếp thu ý kiến của các cơ quan, tổ chức, cá nhân và đối tượng chịu sự tác động trực tiếp của dự thảo quy hoạch; bản chụp ý kiến góp ý;

d) Báo cáo đánh giá tác động;

đ) Báo cáo thẩm định quy hoạch;

e) Báo cáo tiếp thu, giải trình ý kiến thẩm định của Hội đồng thẩm định quy hoạch (nếu có).

2. Trong thời gian 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận được Báo cáo thẩm định quy hoạch của Hội đồng thẩm định quy hoạch, Cơ quan lập quy hoạch chỉnh lý, hoàn thiện hồ sơ trình Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ phê duyệt quy hoạch.

3. Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ ban hành quyết định phê duyệt quy hoạch.

### **Điều 9. Công bố quy hoạch**

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày quy hoạch được Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ phê duyệt, Cơ quan lập quy hoạch có trách nhiệm công bố quy hoạch trên Cổng thông tin điện tử của Bộ Khoa học và Công nghệ; trên các phương tiện thông tin đại chúng và thông qua các hội nghị, hội thảo phổ biến văn bản quy phạm pháp luật.

### **Điều 10. Thực hiện quy hoạch**

Kể từ ngày quyết định phê duyệt quy hoạch có hiệu lực, Cơ quan lập quy hoạch có trách nhiệm tổ chức triển khai, thực hiện quy hoạch.

### **Điều 11. Quy định về điều chỉnh quy hoạch**

1. Việc điều chỉnh quy hoạch được thực hiện khi có một trong các căn cứ sau đây:

- a) Có sự điều chỉnh, thay đổi quy hoạch kho số viễn thông, tài nguyên Internet của quốc tế làm thay đổi nội dung quy hoạch;
- b) Do sự phát triển của khoa học, công nghệ làm thay đổi cơ bản việc thực hiện quy hoạch;
- c) Do yêu cầu bảo đảm quốc phòng, an ninh;
- d) Khi Quy hoạch có vướng mắc, bất cập trong triển khai thực tế;
- đ) Khi dung lượng kho số viễn thông, tài nguyên Internet theo quy hoạch được đưa vào sử dụng đạt trên 70%.

2. Cơ quan lập quy hoạch chịu trách nhiệm tổ chức lập điều chỉnh quy hoạch trình Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ phê duyệt. Trình tự, thủ tục và thẩm quyền điều chỉnh quy hoạch được thực hiện như đối với việc lập, phê duyệt, công bố và thực hiện quy hoạch quy định tại Thông tư này.

### **Điều 12. Hiệu lực thi hành**

- 1. Thông tư có hiệu lực kể từ ngày 20 tháng 11 năm 2025.



2. Chánh Văn phòng, Cục trưởng Cục Viễn thông, Giám đốc Trung tâm Internet Việt Nam, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị thuộc Bộ, Chủ tịch, Tổng giám đốc, Giám đốc các doanh nghiệp viễn thông và các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Thông tư này.

3. Trong quá trình thực hiện, nếu phát sinh vướng mắc, đề nghị phản ánh kịp thời về Bộ Khoa học và Công nghệ (Cục Viễn thông) để được xem xét, hướng dẫn và giải quyết. /.

**Nơi nhận:**

- Thủ tướng và các Phó Thủ tướng Chính phủ (để b/c);
- Văn phòng Trung ương Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Chính phủ;
- Văn phòng Quốc hội;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- Tòa án Nhân dân tối cao;
- Viện Kiểm sát nhân dân tối cao;
- Kiểm toán Nhà nước;
- UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc TW;
- Sở KHCN các tỉnh, thành phố trực thuộc TW;
- Cục Kiểm tra văn bản QPPL (Bộ Tư pháp);
- Công TTĐT Chính phủ, Công báo;
- Bộ KHCN: Bộ trưởng và các Thứ trưởng; các cơ quan, đơn vị thuộc Bộ; Công TTĐT Bộ;
- Lưu: VT, CVT.

**BỘ TRƯỞNG**



**Nguyễn Mạnh Hùng**